

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2012, Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2014, Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2015, Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 646/TTr-SNV ngày 29 tháng 3 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Điều 4 được sửa đổi như sau:

**“Điều 4. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; ấp, khu phố**

Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các quy định sau:

1. Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

4. Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre”.

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 5. Chế độ phụ cấp**

Mức phụ cấp từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các quy định sau:

1. Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng,

các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre”.

## **Điều 2. Bãi bỏ các Quyết định sau**

1. Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website tỉnh;
- Đài PT&TH, báo Đồng khởi;
- Phòng: TH, TC&ĐT, TTTT&ĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng